

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
KHOA: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN-LẦN 1**  
**Học kỳ 1 , năm học 2023 - 2024**

Mã học phần: DAC0250.....

Tên học phần: Quản trị chi phí.....

Mã nhóm lớp học phần: 231-DAC0250-01,02.....

Thời gian làm bài (phút/ngày): 75 phút.....

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

**Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):**

**Gợi ý:**

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- KHÔNG ĐƯỢC PHÉP UPLOAD FILE ẢNH HOẶC FILE EXCEL

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (2.5 điểm): Gồm 5 Câu- 0.5 điểm /câu**

**Câu 1- random trong 3 câu sau:**

Công ty ABC phân phối một sản phẩm X duy nhất, giá bán một sản phẩm X là 50\$/sản phẩm và có chi phí biến đổi là 20 \$/sản phẩm. Chi phí cố định hàng tháng của công ty là \$3,000.

Nếu chi phí cố định của công ty tăng thêm \$600, điểm hòa vốn mới của công ty là bao nhiêu sản phẩm?

- A. 120 sản phẩm
- B. 100 sản phẩm
- C. 60 sản phẩm
- D. 150 sản phẩm

ANSWER: A

Công ty ABC phân phối một sản phẩm X duy nhất, giá bán một sản phẩm X là 75\$/sản phẩm và có chi phí biến đổi là 30 \$/sản phẩm. Chi phí cố định hàng tháng của công ty là \$2,700.

Nếu chi phí cố định của công ty tăng thêm \$900, điểm hòa vốn mới của công ty là bao nhiêu sản phẩm?

- A. 80 sản phẩm
- B. 36 sản phẩm
- C. 60 sản phẩm
- D. 100 sản phẩm

ANSWER: A

Công ty ABC phân phối một sản phẩm X duy nhất, giá bán một sản phẩm X là 100\$/sản phẩm và có chi phí biến đổi là 40\$/sản phẩm. Chi phí cố định hàng tháng của công ty là \$5,400.

Nếu chi phí cố định của công ty tăng thêm \$1,200, điểm hòa vốn mới của công ty là bao nhiêu sản phẩm?

- A. 110 sản phẩm
- B. 90 sản phẩm
- C. 54 sản phẩm
- D. 120 sản phẩm

ANSWER: A

**Câu 2- random trong 3 câu sau:**

Công ty Red sản xuất một sản phẩm duy nhất, một bánh răng đặc biệt được sử dụng trong hộp số tự động. Mỗi bánh răng được bán với giá 50 đô la và công ty bán được 200,000 bánh răng mỗi năm. Dữ liệu chi phí đơn vị được trình bày dưới đây:

	Biến phí	Định phí
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	\$ 10.00	
Chi phí nhân công trực tiếp	\$ 8.00	
Chi phí SXC	\$ 3.00	\$ 6.00
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	\$ 2.00	\$ 5.00

Tính giá thành đơn vị sản phẩm theo phương pháp toàn bộ

- A. \$27
- B. \$21
- C. \$23
- D. \$29

ANSWER: A

Công ty Teddy sản xuất một sản phẩm duy nhất, một bánh răng đặc biệt được sử dụng trong hộp số tự động. Mỗi bánh răng được bán với giá 40 đô la và công ty bán được 100,000 bánh răng mỗi năm. Dữ liệu chi phí đơn vị được trình bày dưới đây:

	Biến phí	Định phí
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	\$ 9.00	
Chi phí nhân công trực tiếp	\$ 7.00	
Chi phí SXC	\$ 4.00	\$ 6.00
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	\$ 1.00	\$ 3.00

Tính giá thành đơn vị sản phẩm theo phương pháp toàn bộ

- A. \$26
- B. \$20
- C. \$21
- D. \$27

ANSWER: A

Công ty Alice sản xuất một sản phẩm duy nhất, một bánh răng đặc biệt được sử dụng trong hộp số tự động. Mỗi bánh răng được bán với giá 35 đô la và công ty bán được 100,000 bánh răng mỗi năm. Dữ liệu chi phí đơn vị được trình bày dưới đây:

	Biến phí	Định phí
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	\$ 6.00	
Chi phí nhân công trực tiếp	\$ 8.00	
Chi phí SXC	\$ 3.00	\$ 5.00
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	\$ 2.00	\$ 4.00

Tính giá thành đơn vị sản phẩm theo phương pháp toàn bộ

- A. \$22
- B. \$17
- C. \$19
- D. \$25

ANSWER: A

**Câu 3- random trong 3 câu sau:**

Câu nào dưới đây được xem là yếu tố phát sinh chi phí chính của hoạt động setup sản xuất

- A. Số đợt setup
- B. Số giờ chạy máy
- C. Số khách hàng
- D. Số sản phẩm

ANSWER: A

Câu nào dưới đây được xem là yếu tố phát sinh chi phí chính của hoạt động kiểm tra sản phẩm

- A. Số giờ kiểm tra
- B. Số giờ chạy máy
- C. Số giờ lao động
- D. Số đơn đặt hàng

ANSWER: A

Câu nào dưới đây được xem là yếu tố phát sinh chi phí chính của hoạt động hỗ trợ khách hàng

- A. Số khách hàng
- B. Số giờ máy
- C. Số giờ lao động
- D. Số sản phẩm

ANSWER: A

**Câu 4- random trong 3 câu sau:**

Bộ phận X sản xuất một chi tiết để bán cho khách hàng bên ngoài. Dữ liệu liên quan đến bộ phận này như sau: Giá bán: 50 ngđ/chi tiết; Biến phí đơn vị: 35 ngđ/chi tiết; Tổng định phí: 80,000 ngđ; Năng lực sản xuất: 10,000 chi tiết.

Bộ phận Y của cùng công ty mua 3,000 chi tiết tương tự ở nhà cung cấp bên ngoài với giá 55 ngđ/chi tiết. Nếu bộ phận Y muốn mua 3,000 chi tiết này từ bộ phận X, và **bộ phận X chỉ còn 2,000 chi tiết nhàn rỗi** (chỉ cung cấp được 2,000 chi tiết), khi đó, giới hạn thấp nhất của giá chuyển giao là bao nhiêu?

- A. \$40
- B. \$60
- C. \$50
- D. \$55

ANSWER: A

Bộ phận X sản xuất một chi tiết để bán cho khách hàng bên ngoài. Dữ liệu liên quan đến bộ phận này như sau: Giá bán: 70 ngđ/chi tiết; Biến phí đơn vị: 50 ngđ/chi tiết; Tổng định phí: 90,000 ngđ; Năng lực sản xuất: 10,000 chi tiết.

Bộ phận Y của cùng công ty mua 4,000 chi tiết tương tự ở nhà cung cấp bên ngoài với giá 72 ngđ/chi tiết. Nếu bộ phận Y muốn mua 4,000 chi tiết này từ bộ phận X, và **bộ phận X chỉ còn 2,000 chi tiết nhàn rỗi** (chỉ cung cấp được 2,000 chi tiết), khi đó, giới hạn thấp nhất của giá chuyển giao là bao nhiêu?

- A. \$60
- B. \$72
- C. \$90
- D. \$70

ANSWER: A

Bộ phận X sản xuất một chi tiết để bán cho khách hàng bên ngoài. Dữ liệu liên quan đến bộ phận này như sau: Giá bán: 35 ngđ/chi tiết; Biến phí đơn vị: 10 ngđ/chi tiết; Tổng định phí: 50,000 ngđ; Năng lực sản xuất: 8,000 chi tiết.

Bộ phận Y của cùng công ty mua 1,000 chi tiết tương tự ở nhà cung cấp bên ngoài với giá 43 ngđ/chi tiết. Nếu bộ phận Y muốn mua 1,000 chi tiết này từ bộ phận X, và **bộ phận X chỉ còn 400 chi tiết nhàn rỗi** (chỉ cung cấp được 400 chi tiết), giới hạn thấp nhất của giá chuyển giao là bao nhiêu?

- A. \$25
- B. \$35
- C. \$43
- D. \$40

ANSWER: A

**Câu 5- random trong 3 câu sau:**

Công ty An Tâm sản xuất ba loại sản phẩm A, B, C. Số liệu liên quan đến ba sản phẩm này như sau:

	Product		
	A	B	C
Giá bán một sản phẩm	25	18	16
Biến phí đơn vị	9	6	10
Số giờ máy sản xuất một sản phẩm	4	2	4

Nhu cầu tiêu thụ 100 200 150

Nếu công ty bị giới hạn về số giờ máy sản xuất, vậy công ty nên ưu tiên sản xuất sản phẩm nào trước nhất.

- A. Sản phẩm B, vì có số dư đảm phí trên 1 giờ máy sản xuất cao nhất
- B. Sản phẩm A, vì có số dư đảm phí trên 1 giờ máy sản xuất cao nhất
- C. Sản phẩm A, vì có số dư đảm phí trên 1 sản phẩm cao nhất
- D. Sản phẩm C, vì có số dư đảm phí trên 1 giờ máy sản xuất cao nhất

ANSWER: A

Công ty Tâm Nhân sản xuất ba loại sản phẩm A, B, C. Số liệu liên quan đến ba sản phẩm này như sau:

	Product		
	A	B	C
Giá bán một sản phẩm	20	15	35
Biến phí đơn vị	5	8	27
Số giờ máy sản xuất một sản phẩm	3	5	2
Nhu cầu tiêu thụ	300	200	150

Nếu công ty bị giới hạn về số giờ máy sản xuất, vậy công ty nên ưu tiên sản xuất sản phẩm nào trước nhất.

- A. Sản phẩm A, vì có số dư đảm phí trên 1 giờ máy sản xuất cao nhất
- B. Sản phẩm B, vì có số dư đảm phí trên 1 giờ máy sản xuất cao nhất
- C. Sản phẩm B, vì có số dư đảm phí trên 1 sản phẩm cao nhất
- D. Sản phẩm C, vì có số dư đảm phí trên 1 giờ máy sản xuất cao nhất

ANSWER: A

Công ty Minh Anh sản xuất ba loại sản phẩm A, B, C. Số liệu liên quan đến ba sản phẩm này như sau:

	Product		
	A	B	C
Giá bán một sản phẩm	30	25	35
Biến phí đơn vị	18	10	8
Số giờ máy sản xuất một sản phẩm	5	2	3
Nhu cầu tiêu thụ	400	300	200

Nếu công ty bị giới hạn về số giờ máy sản xuất, vậy công ty nên ưu tiên sản xuất sản phẩm nào trước nhất.

- A. Sản phẩm C, vì có số dư đảm phí trên 1 giờ máy sản xuất cao nhất
- B. Sản phẩm B, vì có số dư đảm phí trên 1 giờ máy sản xuất cao nhất
- C. Sản phẩm B, vì có số dư đảm phí trên 1 sản phẩm cao nhất
- D. Sản phẩm C, vì có số dư đảm phí trên 1 sản phẩm cao nhất

ANSWER: A

## PHẦN TỰ LUẬN (7.5 điểm) Gồm 3 câu

### Câu 1 (4 điểm)

**Báo cáo thu nhập của Công ty Drake trong năm gần đây nhất như sau: (ĐVT: \$)**

Doanh thu (26,000 chiếc) 650,000

Trừ: Biến phí	442,000
Số dư đảm phí	208,000
Trừ: Định phí	234,000
Lợi nhuận	(26,000)

**Yêu cầu:**

1. Tính số dư đảm phí đơn vị (1 điểm)
2. Tính sản lượng và doanh thu hòa vốn của công ty. (1 điểm)
3. Nếu công ty mong muốn thu nhập hoạt động ròng là \$20,000 thì số lượng sản phẩm cần bán là bao nhiêu? (1 điểm)
4. Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại mức sản lượng bán ở câu 3 (1 điểm)

**Đáp án Câu 1****1. (1 điểm)**

Số dư đảm phí đơn vị = tổng số dư đảm phí / số lượng bán =  $208,000/26,000 = 8\$/sp$

**2. (1 điểm)**

SLHV = Định phí / SDĐPĐV =  $234,000/8 = 29,250$  sp

Tỷ lệ %SDĐP = Số dư đảm phí / Doanh thu =  $208,000/650,000 = 32\%$

DTHV = Định phí / tỷ lệ %SDĐP =  $234,000/32\% = \$731,250$

**3. (1 điểm)**

Sản lượng để đạt được lợi nhuận 20.000 = (Định phí + LN mục tiêu) / số dư đảm phí đơn vị =  $(234.000 + 20.000)/8 = 31.750$  sp

**4. (1 điểm)**

	Tổng	ĐV	%
Doanh thu (31,750 chiếc)	793,750	25	100%
Trừ: Biến phí	539,750	17	68%
Số dư đảm phí	254,000	8	32%
Trừ: Định phí	234,000		
Lợi nhuận	20,000		

**Câu 2 (1.5 điểm)**

Chicken Corporation sản xuất một sản phẩm duy nhất, Năm ngoái, công ty có thu nhập hoạt động ròng theo phương pháp giá thành khả biến là \$50,000, Hàng tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ lần lượt là 10,000 đơn vị và 7,500 đơn vị, Nếu chi phí sản xuất cố định là \$3 mỗi đơn vị, thì thu nhập hoạt động ròng sử dụng phương pháp giá thành toàn bộ là bao nhiêu?

**Đáp án câu 2:**

Ta có tồn kho đầu kỳ 10,000, tồn kho cuối kỳ 7,500 => Tồn đầu kỳ > tồn cuối kỳ (0.5 điểm)

⇒ LN theo PP toàn bộ < LN theo PP khả biến

⇒ LN theo PP toàn bộ = LN theo PP khả biến - tỷ lệ phân bổ định phí sxc \* (tồn đầu kỳ - tồn cuối kỳ) (0.5 điểm)

$$= 50,000 - 3 * (10,000 - 7,500) = \$42,500 \text{ (0.5 điểm)}$$

### Câu 3 (2 điểm)

Tập đoàn Rosenbrook đã cung cấp dữ liệu sau từ hệ thống tính giá thành dựa trên hoạt động của mình: (đvt: \$)

Hoạt động	Tổng chi phí	Mức độ hoạt động	
Lắp ráp	703,000	37,000	Giờ máy
Xử lý đơn đặt hàng	39,600	1,800	Đơn đặt hàng
Kiểm tra	118,340	1,940	Giờ kiểm tra

Dữ liệu liên quan đến một trong các sản phẩm của công ty, Sản phẩm H73N, dưới đây:

Giá bán trên mỗi đơn vị	125
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trên mỗi đơn vị	34.9
Chi phí nhân công trực tiếp trên mỗi đơn vị	49.12
Số lượng sản xuất và tiêu thụ hàng năm	400
Số giờ máy sản xuất hàng năm	500
Số đơn đặt hàng hàng năm	80
Số giờ kiểm tra hàng năm	12

#### Yêu cầu:

- Theo hệ thống tính giá thành dựa trên hoạt động, tính giá thành trên 1 sản phẩm H73N? (1.5 điểm)
- Tính lợi nhuận khi bán 400 sản phẩm H73N? (0.5 điểm)

#### Đáp án câu 3:

Bước 1,2: Xác định hoạt động hỗ trợ và phân bổ chi phí chung		Bước 3: Xác định yếu tố phát sinh chi phí - cost driver		Bước 4: Xác định tỷ lệ phân bổ Cp SXC	
Các hoạt động	Tổng chi phí	Tổng hoạt động	Đơn vị đo lường	Tỷ lệ phân bổ	ĐV
Lắp ráp	703.000	37.000	Giờ máy	19	\$/giờ máy
Xử lý đơn đặt hàng	39.600	1.800	Đơn đặt hàng	22	\$/đơn đặt hàng
Kiểm tra	118.340	1.940	Giờ kiểm tra	6	\$/giờ kiểm tra
	<b>(0.25 điểm)</b>	<b>(0.25 điểm)</b>		<b>0.5 điểm</b>	

#### Bước 5: Phân bổ chi phí chung vào từng sản phẩm

Chi phí NVLTT		34.9	\$/sp
Chi phí NCTT		49	\$/sp
Lắp ráp	$= (19 * 500) / 400$	23.75	\$/sp
Xử lý đơn đặt hàng	$= (22 * 80) / 400$	4.4	\$/sp
Kiểm tra	$= (6 * 12) / 400$	1.83	\$/sp
<b>Giá thành 1 sp</b>		<b>114</b>	<b>\$/sp</b>
		<b>(0.5đ)</b>	

2. Lợi nhuận khi bán 400 sản phẩm H73N là:

$$LN = \text{Doanh thu} - \text{chi phí} = 400 * 125 - 400 * 114 = 4,400 \text{ nghìn đồng (0.5 điểm)}$$

*Ngày biên soạn: 28/11/2023*

**Giảng viên biên soạn đề thi:** Lê Như Hoa

*Ngày kiểm duyệt: 28/11/2023*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi:** Lê Phan Thanh Hòa

Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhất Linh (**0918.01.03.09**).